



TÓM TẮT CÁC THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SRA) NĂM 2025

1. Bối cảnh

Giải thưởng báo cáo Phát triển bền vững (SRA) thuộc VLCA đã hình thành được 12 năm với sự hỗ trợ kỹ thuật của ACCA. Ngay từ ban đầu, tiêu chí của SRA được đưa ra dựa trên các hướng dẫn của ACCA và dựa trên nền tảng của các hướng dẫn của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI). Trong 12 năm qua, bộ tiêu chí được rà soát và cập nhật hàng năm để đảm bảo cập nhật với thực trạng lập báo cáo PTBV tại Việt Nam, các quy định của pháp luật cũng như các thông lệ tốt. Kể từ mùa báo cáo 2023, ACCA đã bổ sung vào thành phần ban cố vấn các chuyên gia ACCA trong khu vực và toàn cầu. Các chuyên gia đã đưa ra các gợi ý để đảm bảo các tiêu chí đánh giá báo cáo PTBV được quốc tế hóa hơn. Không những thế, trong những năm gần đây, các thay đổi liên tục của các hướng dẫn/chuẩn mực lập báo cáo phát triển bền vững đã tạo ra không ít thách thức cho các đơn vị lập báo cáo. Do vậy, cho mùa báo cáo 2025, sau khi tham khảo ý kiến ban giám khảo, cơ quan quản lý và các chuyên gia, ACCA đã quyết định cập nhật các tiêu chí đánh giá của SRA để đảm bảo các tiêu chí mang tính quốc tế hơn, phù hợp hơn với thực tiễn báo cáo của Việt Nam.

2. Các nguyên tắc chi phối

Các tiêu chí đánh giá của SRA 2025 được cập nhật dựa trên các nguyên tắc chi phối sau:

- Ngoài GRI, các tiêu chí đánh giá sẽ được cập nhật theo các yêu cầu mới của chuẩn mực báo cáo phát triển bền vững IFRS S1, S2 do ISSB ban hành. Các công bố thông tin về phát triển bền vững sẽ được đánh giá một cách chi tiết hơn theo bốn trụ cột: chiến lược, quản trị, rủi ro và chỉ số & mục tiêu.
- Các tiêu chí đánh giá được chia lại phù hợp hơn cho 2 nhóm đối tượng chính: các doanh nghiệp thuộc nhóm dịch vụ tài chính (như ngân hàng, công ty chứng khoán, bảo hiểm, công ty tài chính...) và các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành phi tài chính. Điều này cho phép việc so sánh giữa các doanh nghiệp được thực hiện một cách công bằng hơn.
- Các báo cáo được lập sử dụng nhiều hơn một khung tiêu chuẩn, đặc biệt là các tiêu chuẩn báo cáo và tiêu chuẩn hoạt động theo ngành sẽ được khuyến khích
- Việc tuân thủ theo các quy định công bố thông tin về môi trường và xã hội cũng như về quản trị cũng được tính đến để đảm bảo SRA phù hợp với các nội dung đánh giá khác của VLCA mà không bị trùng lặp.
- Bổ sung chi tiết hơn về các tiêu chí hoạt động. Đối với các chỉ tiêu đo lường hoạt động phát triển bền vững, bộ tiêu chí sẽ đưa ra các câu hỏi cụ thể hơn nhưng khái quát cho hai nhóm ngành: dịch vụ tài chính và phi tài chính. Điều này cho phép đánh giá và phân loại rõ nét hơn các đơn vị lập báo cáo.
- Các câu hỏi ít quan trọng hơn được gộp vào để đảm bảo tính trọng yếu.

3. Sử dụng hai bộ tiêu chí đánh giá cho nhóm ngành dịch vụ tài chính và phi tài chính

Ngành dịch vụ tài chính (DVTC) mặc dù không tạo ra các tác động trực tiếp một cách đáng kể vào các vấn đề môi trường nhưng lại đóng vai trò một trung gian tài chính, giúp điều tiết nguồn vốn của cả nền kinh tế vào các lĩnh vực xanh hơn và sạch hơn. Do vậy, phương pháp tiếp cận về phát triển bền vững của các tổ chức dịch vụ tài chính có khá nhiều điểm khác biệt so với các nhóm ngành sản xuất, năng lượng hay khai thác mỏ,... gọi chung là nhóm Phi tài chính (PTC) Với số lượng các báo cáo phát triển bền vững trong ngành dịch vụ tài chính ngày càng tăng trong những năm gần đây, kể từ mùa báo cáo 2025, Ban tổ chức đã quyết định xây dựng hai bộ tiêu chí riêng để đánh giá hai nhóm doanh nghiệp này. Bảng dưới đây trình bày sự giống nhau và khác nhau của hai bộ tiêu chí đánh giá:

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	NHÓM DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	NHÓM PHI TÀI CHÍNH
GIỐNG NHAU	• Cấu trúc của bộ câu hỏi • Trọng số của các phần chính • Nội dung đánh giá chính (nhóm nội dung về chiến lược, nhóm nội dung về quản trị, nhóm nội dung về rủi ro và cơ hội, nhóm nội dung về chỉ số và hoạt động...)	
KHÁC NHAU		
Nhóm chỉ số hoạt động	Các chỉ số hoạt động thiên về nhóm dịch vụ tài chính hơn	Nhóm chỉ số hoạt động được sử dụng phù hợp hơn với nhóm các doanh nghiệp có tác động trực tiếp tới môi trường
Nội dung ngành (chiến lược, chủ đề trọng yếu, rủi ro...)	Các tiêu chí đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn theo ngành dịch vụ tài chính như: các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh/bền vững, các rủi ro và cơ hội đặc thù của dịch vụ tài chính	Các tiêu chí đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn theo ngành phi tài chính

4. Tổng hợp các thay đổi

Bộ tiêu chí sẽ có các tiêu chí chung áp dụng cho cả 2 nhóm ngành, với các yếu tố đặc thù về cách đo lường, rủi ro và quản trị sẽ có tiêu chí riêng. Doanh nghiệp sẽ đạt điểm từ 0 – 3 dựa theo mức độ đáp ứng của doanh nghiệp với tiêu chí.

NHÓM TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ
Mức độ đầy đủ	50%	28
Mức độ tin cậy	40%	12
Trình bày	10%	6
TỔNG	100%	46



A. Tính Đầy Đủ (50%)

Một báo cáo phát triển bền vững chất lượng cao sẽ cung cấp cho người đọc một cái nhìn toàn diện về hoạt động và các tác động kinh tế, môi trường, xã hội của tổ chức. Báo cáo cần đảm bảo rằng thông tin được công bố phản ánh đầy đủ bối cảnh hoạt động, phạm vi báo cáo, cũng như mức độ bao quát so với toàn bộ hoạt động của tổ chức.

Tính đầy đủ của báo cáo được đánh giá dựa trên các yếu tố chính sau:

1. Xác định các vấn đề trọng yếu: Đảm bảo rằng báo cáo tập trung vào các vấn đề quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến tổ chức và các bên liên quan. Quá trình xác định trọng yếu cần rõ ràng, có cơ sở và phản ánh đúng ưu tiên chiến lược của tổ chức.
2. Sự tham gia của các bên liên quan: Mô tả rõ các nhóm bên liên quan chính, phương pháp tham vấn, cũng như cách thức tổ chức xem xét và phản hồi các mối quan tâm từ bên liên quan trong chiến lược phát triển bền vững.
3. Chiến lược/định hướng phát triển bền vững: Trình bày mức độ tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược chung của tổ chức, bao gồm cam kết, mục tiêu dài hạn và các sáng kiến cụ thể nhằm thực hiện chiến lược này.
4. Phạm vi và ranh giới báo cáo: Xác định rõ phạm vi hoạt động được bao quát trong báo cáo (bao gồm tổ chức mẹ, công ty con, chuỗi giá trị...) và những giới hạn trong việc thu thập, công bố dữ liệu.
5. Tiêu chuẩn và chỉ số đo lường hoạt động phát triển bền vững: Cung cấp các chỉ số đo lường hiệu suất một cách đầy đủ, có căn cứ, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh theo thời gian cũng như với các tổ chức khác trong cùng lĩnh vực.

Bằng cách đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này, báo cáo không chỉ giúp minh bạch hóa thông tin mà còn hỗ trợ các bên liên quan trong việc đánh giá một cách chính xác và toàn diện về nỗ lực phát triển bền vững của tổ chức.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A1. Xác định các vấn đề trọng yếu	1.01 Báo cáo cung cấp thông tin một cách toàn diện và có ích cho việc ra quyết định của đối tượng sử dụng báo cáo về các rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường, xã hội có tác động với doanh	Báo cáo cần xác định rõ và phân tích rõ ràng các tác động và vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường chính của doanh nghiệp, bao gồm cả tác động trực tiếp và gián tiếp, tác động thực tế và tác động tiềm tàng.



	ngành cũng như tác động của doanh nghiệp đối với kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài. 1.02 Quá trình, lý do lựa chọn và danh mục các tác động và các chủ đề trọng yếu được báo cáo một cách đầy đủ	Báo cáo cần nêu quy trình và lý do lựa chọn các tác động, vấn đề trọng yếu, phương pháp đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu và các chỉ số sử dụng trong báo cáo. Các tổ chức cân nhắc sử dụng các hướng dẫn của GRI và SASB để hoàn thiện nội dung này. Các báo cáo trong lĩnh vực dịch vụ tài chính cần tham khảo các lĩnh vực trọng yếu trong ngành của mình như các vấn đề về phát thải khí nhà kính trong doanh mục đầu tư/cho vay, các vấn đề về bảo mật và tính riêng tư của dữ liệu...
A2. Tham vấn các bên có lợi ích liên quan	1.03 Các bên liên quan là tổ chức được xác định, trong đó nêu rõ mức độ quan trọng tương ứng.	Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, việc xác định rõ đối tượng mục tiêu là bước đầu tiên quan trọng. Báo cáo cần được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của các đối tượng này, từ nhà đầu tư, khách hàng, nhân viên, đối tác, tổ chức đến cộng đồng địa phương. Doanh nghiệp cần xác định tất cả các bên liên quan, đánh giá mức độ quan trọng của từng bên đối với hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của mình. Quy trình xác định và tham vấn các bên liên quan cần được mô tả chi tiết, minh bạch, bao gồm các phương pháp, quy trình và tần suất tham vấn, để đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ ý kiến và kỳ vọng của các bên liên quan. Doanh nghiệp cũng cần công bố cách thức doanh nghiệp phản hồi với các kỳ vọng của các bên có liên quan.
	1.04 Mô tả quá trình xác định và tham vấn các bên liên quan trong nội bộ và bên ngoài, có công bố chính sách xác định và tham vấn các bên liên quan.	
	1.05 Xác định và trình bày ý kiến phản hồi và mức độ quan tâm của các bên liên quan đối với các tác động, hoạt động của tổ chức, và quy trình lựa chọn các quan điểm này (quan điểm quan trọng nhất) để công bố.	
	1.06 Sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan (chủ động hoặc bị động) để tác động đến chiến lược, chính sách, hoạt động và thay đổi nội dung báo cáo (để chứng minh tổ chức có thể lắng nghe và rút kinh nghiệm từ ý kiến của các bên có liên quan), hoặc trình bày ngược lại, kèm theo lý do, trong trường hợp không sử dụng ý kiến phản hồi của bên liên quan.	
A3. Chiến lược	1.07 Mức độ chi tiết và tính rõ ràng và cân bằng về chiến lược, chính sách kinh tế, môi trường và xã hội bao gồm nhưng không hạn chế ở: ✓ Các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính, phân tích các rủi ro và cơ hội về PTBV	Báo cáo phát triển bền vững cần thể hiện rõ ràng chiến lược toàn diện của doanh nghiệp, bao gồm việc công bố đầy đủ và minh bạch các tác động về môi trường và xã hội, có tính đến các yếu tố đặc thù của ngành nghề. Với ngành tài chính, cần trình bày chi tiết và tính rõ ràng về sự tích hợp các yếu tố ESG trong chiến lược hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt ở các lĩnh vực trọng yếu:

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: Tài Chính

	✓ Cách thức tận dụng các cơ hội này ✓ Phân tích chiến lược PTBV trong bối cảnh của chiến lược kinh doanh và ngành ✓ Chiến lược PTBV xuyên suốt chuỗi cung ứng ✓ Các cam kết của HĐQT và Ban Giám đốc ✓ Các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính 1.08 Trình bày các chỉ tiêu và mục tiêu ESG cụ thể trong các khung thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn tương thích với các công bố thông tin về chiến lược 1.09 Chứng minh chính sách kinh tế, môi trường, xã hội tích hợp và nhất quán trong chiến lược kinh doanh nòng cốt đặc biệt ở các lĩnh vực quan trọng của ngành đề cập ở 1.07 1.10. Có chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính. Đối với ngành dịch vụ tài chính tập trung vào cắt giảm Phát thải Tài chính (financed emissions) tức là lượng khí thải nhà kính được tạo ra gián tiếp thông qua các khoản đầu tư và cho vay của tổ chức tài chính, phân tích theo từng lĩnh vực 1, 2 và 3.	✓ Hoạt động tín dụng (đối với ngân hàng) ✓ Hoạt động đầu tư và môi giới (đối với ngân hàng và công ty chứng khoán) ✓ Các chương trình khuyến khích các hành vi có trách nhiệm với Môi trường và Xã Hội và/hoặc hoạt động Quản lý đầu tư chủ động (đối với công ty bảo hiểm) ✓ Chính sách cho vay có trách nhiệm, các đối tượng thiếu số, khó khăn, các đối tượng ở khu vực có rủi ro thiên tai cao và/hoặc hoạt động thanh lý tài sản thế chấp (đối với ngân hàng và các công ty tài chính) ✓ Quyền riêng tư Người tiêu dùng và Bảo mật thông tin Báo cáo cần phân tích cả cơ hội và thách thức, cũng như các tác động tiềm tàng và thực tế, đồng thời nêu rõ cách thức tận dụng các cơ hội phát triển bền vững. Chiến lược kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp, bao gồm cả chuỗi cung ứng, cần được trình bày chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Báo cáo cần đánh giá và phân tích tác động của các rủi ro môi trường và xã hội đến các yếu tố tài chính, như lợi nhuận, dòng tiền, vị thế tài chính, chi phí vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn và giá trị tài sản. Các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm cả các chỉ số KPI, cần được xác định rõ ràng cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời gắn kết với các rủi ro và cơ hội tương ứng. Báo cáo cần chứng minh một cách thuyết phục sự tích hợp của các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời phân tích và đánh giá tác động của hoạt động của mình đến việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Nếu biến đổi khí hậu hoặc khí nhà kính là một nội dung trọng tâm trong chiến lược, báo cáo cần trình bày rõ
--	---	--



		ràng và thuyết phục chiến lược/sáng kiến, giải pháp cũng như các dự án đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các mục tiêu cụ thể (ngắn/dài hạn) cần được thực hiện một cách logic và có cơ sở khoa học. Các chiến lược phải dựa trên các phân tích kịch bản/tình huống khác nhau về kịch bản khí hậu, đồng thời mô tả cách thức đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu.
A4. Các chỉ số hoạt động về môi trường	1.11. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng trong công ty đồng thời đưa ra các mục tiêu và biện pháp quản lý cũng như cắt giảm mức tiêu thụ ngắn hạn và dài hạn.	Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau: ✓ Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. ✓ Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng ✓ Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. ✓ Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. ✓ Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) ✓ Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có) Đối với chỉ tiêu về phát thải KNK mà tổ chức dịch vụ tài chính chịu trách nhiệm từ các hoạt động tài chính/đầu tư (Phát thải tài chính) của mình, các hướng dẫn chuyên ngành như PRI, PCAF nên được áp dụng. Báo cáo của tổ chức dịch vụ tài chính chỉ được điểm tối đa cho chỉ tiêu KNK khi có công bố Phát thải tài chính.
	1.12. Tổ chức có công bố về lượng phát thải KNK mà tổ chức chịu trách nhiệm trong các hoạt động dịch vụ tài chính của mình (như đầu tư, cho vay) ...	
	1.13. Công ty có công bố mức các số liệu liên quan đến nước và nước thải. Tối thiểu phải công bố mức tiêu thụ nước và các biện pháp quản lý nước thải, đồng thời đưa ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho các chỉ số liên quan đến nước và nước thải mà doanh nghiệp chọn báo cáo.	
	1.14. Công ty có công bố lượng nguyên vật tư tiêu hao cho các dịch vụ (đối với ngành Dịch vụ tài chính chủ yếu là liên quan đến tài liệu in ấn) mà doanh nghiệp cung cấp; nêu cụ thể tỷ lệ các loại vật tư tiêu hao tái chế/có thể tái tạo so với tổng vật tư đã sử dụng và đưa ra các biện pháp cắt giảm tiêu hao ngắn hạn và dài hạn.	
	1.15. Công ty có công bố số liệu về các hoạt động liên quan đến tài chính xanh, các chương trình tài chính có yếu tố môi trường bao gồm: ✓ Số khoản vay, các khoản đầu tư	



	✓ Giá trị, doanh thu từ dịch vụ/ chương trình liên quan đến môi trường ✓ Số lượng, giá trị và tỷ lệ các khoản vay cho các đối tượng ở khu vực rủi ro thiên tai cao.	
	1.16 Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp theo tấn CO₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc.	Việc công bố được thực hiện theo hướng dẫn của quy định pháp luật và các thông lệ tốt (như GRI, IPCC, GHG Reporting Protocol). Cụ thể: ✓ Công bố các nguồn phát thải ✓ Công bố nguồn của hệ số phát thải mà doanh nghiệp áp dụng ✓ Công bố cách thức tính toán ✓ Tối thiểu cần công bố phát thải KNK theo phạm vi 1 và phạm vi 2. ✓ Công bố kỳ gốc (nếu có) ✓ Công bố các số liệu mang tính chất so sánh ✓ Giải thích số liệu phát thải ✓ Công bố cường độ phát thải KNK
A5. Các chỉ số hoạt động về xã hội	1.17. Công ty công bố các số liệu về tuyển dụng nhân viên mới và nhân viên thôi việc, đồng thời có các phân tích về chế độ chính sách dành cho nhân viên làm toàn thời gian.	Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau: ✓ Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. ✓ Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng ✓ Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. ✓ Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. ✓ Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) ✓ Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có) Lưu ý, các chương trình cho vay/đầu tư có liên quan đến xã hội có thể bao gồm nhưng không hạn chế ở:
	1.18 Tổ chức có công bố các số liệu về các chương trình cho vay có liên quan đến xã hội.	
	1.19. Công ty công bố thông tin về chính sách và thực hành văn hoá Đa Dạng, Công Bằng Và Hòa Nhập (DEI) trong doanh nghiệp, cụ thể thông qua các chỉ số về bình đẳng giới, đa dạng hoá và cơ hội công bằng, không phân biệt đối xử và các chỉ số khác có liên quan.	
	1.20. Công ty công bố thông tin về các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng như các động tích cực và tiêu cực của công ty đến cộng đồng.	



	1.21. Doanh nghiệp có công bố các số liệu về việc đánh giá tác động của sản phẩm và dịch vụ đến sức khỏe và tài chính của khách hàng, đồng thời công bố (i) Số lượng vụ khiếu nại của nhân viên/khách hàng/người có liên quan (ii) Số tiền bồi thường thiệt hại	✓ Ngân hàng thương mại: (i) Số khoản; và/hoặc (ii) Số nợ vay trong trường trình cho vay xã hội ví dụ như SME, Phát triển cộng đồng.... ✓ Ngân hàng đầu tư và Công ty chứng khoán: (i) Số khoản và tổng giá trị đầu tư và cho vay có tích hợp yếu tố Xã Hội, phân tích theo ngành; và/hoặc (ii) Doanh thu dịch vụ từ hoạt động môi giới, tư vấn...cho các giao dịch có tích hợp yếu tố Xã Hội, phân tích theo ngành. ✓ Công ty Bảo hiểm: tỷ lệ phí bảo hiểm liên quan đến các chương trình có yếu tố Xã Hội ví dụ như khuyến khích an toàn, nâng cao sức khỏe ... ✓ Công ty Tài chính thế chấp: (i) Số lượng; (ii) giá trị; (iii) tỷ lệ bình quân của các khoản cho vay cho các đối tượng khó khăn xã hội trên tổng số cho vay.
A6. Các chỉ số hoạt động khác	1.22. Công ty công bố các chỉ số hoạt động về ESG tương ứng với các lĩnh vực trọng yếu được lựa chọn cũng như phù hợp với chiến lược PTBV được công bố	Công ty cần đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về báo cáo và chuẩn mực như GRI 2021, IFRS S1/ S2, SASB, CSRD, ...và các chỉ số hoạt động theo ngành được áp dụng rộng rãi. Việc đáp ứng nhiều hơn một chuẩn mực cũng như việc áp dụng các chuẩn mực theo ngành sẽ là bằng chứng tốt để chứng minh tính đầy đủ của một báo cáo. Công ty cần tuân thủ các quy định về đánh giá về môi trường và xã hội và các quy định về quản trị công ty, cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn đo lường phát thải khí nhà kính.
	1.23. Công bố thông tin về quản trị công ty đáp ứng được các yêu cầu	
	1.24. Việc trình bày các chỉ số hoạt động có liên quan được thực hiện theo các hướng dẫn/chuẩn mực được công nhận rộng rãi về lập báo cáo PTBV như GRI, IFRS S1&S2, TCFD, ...	
	1.25. Công ty có sử dụng các chỉ số hoạt động theo ngành được chấp nhận rộng rãi, cụ thể như chuẩn mực ngành Dịch vụ tài chính của SASB	
	1.26 Mức độ đáp ứng về công bố thông tin môi trường xã hội theo quy định của Báo cáo thường niên.	
A7. Các nội dung khác	1.27 Bối cảnh của doanh nghiệp (ví dụ, các sản phẩm và/hoặc dịch vụ, hiệu quả hoạt động tài chính, vị trí địa lý, thông tin tuyển dụng, lực lượng lao động).	Báo cáo cần cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về tổ chức. Báo cáo cần nêu rõ các hoạt động chính, sản phẩm/dịch vụ, hiệu quả tài chính, vị trí địa lý, lực lượng lao động và thông tin tuyển dụng, nhằm giúp người đọc hiểu rõ về phạm vi hoạt động và tác động của tổ chức. Đồng thời, báo cáo cần xác định rõ đối tượng sử dụng, phạm vi báo cáo (bao gồm cả chuỗi cung ứng),
	1.28 Các yếu tố khác cut một báo cáo đã được công bố đầy đủ hay chưa?	



		kỳ báo cáo, tính so sánh qua các kỳ, và công bố đầy đủ các tiêu chuẩn được sử dụng.
B. Mức Độ Tin Cậy (40%)		
		Việc công bố đúng các chuẩn mực áp dụng (theo yêu cầu của chuẩn mực đó) sẽ là một điểm cộng.

Để đảm bảo tính tin cậy của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chứng minh rằng họ có các cấu trúc, quy trình và kiểm soát hiệu quả để trình bày thông tin chính xác về tác động của mình. Điều này bao gồm việc thiết lập các chính sách rõ ràng, bố trí nhân sự phù hợp, xây dựng hệ thống thu thập và quản lý thông tin, và đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể. Báo cáo cần thể hiện rằng các hệ thống và thông tin nội bộ đã được kiểm tra kỹ lưỡng, đồng thời tích hợp ý kiến đóng góp từ các bên bên ngoài.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B1. Quy trình quản lý	2.01 Các hệ thống quản lý và việc tích hợp các hệ thống quản lý vào quy trình hoạt động.	Để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc xây dựng và tích hợp hệ thống quản lý vào quy trình kinh doanh. Hệ thống quản lý này cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc áp dụng các hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế như hướng dẫn của IFC, GRI, ISO... là rất quan trọng. Báo cáo cần nêu rõ lý do lựa chọn và áp dụng các tiêu chuẩn này, đồng thời mô tả chi tiết cách thức triển khai. Ngoài ra, công ty cũng nên công bố các việc xử lý các rủi ro về việc tẩy xanh - Green Washing. Các tổ chức tài chính có thể công bố khung quản lý tài chính xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế được ghi nhận để đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn vốn xanh đúng mục đích.
	2.02. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tín dụng xanh được quốc tế hoặc chính phủ công nhận.	
	2.03 Nguồn phát thải KNK trực tiếp hoặc gián tiếp, chuỗi giá trị/cung ứng liên quan được xác định và có kế hoạch hành động, áp dụng các biện	Các biện pháp có thể bao gồm nhưng không hạn chế ở: (i) xem xét về số lượng và chủng loại nhiên liệu hóa thạch sử dụng và áp dụng các chương trình nâng cao

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: Tài Chính

	pháp tối ưu nhằm giảm dần phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp.	hiệu quả và hiệu lực (ưu tiên phương pháp tiếp cận chu kỳ sống nhằm giảm phát thải KNK thuần bên cạnh việc sử dụng công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo), (ii) có hành động ngăn ngừa hoặc giảm phát thải KNK (đặc biệt những phát thải gây cạn kiệt tầng ozon) do việc sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất, các quá trình công nghệ hoặc thiết bị bao gồm thiết bị sưởi, thông gió, điều hòa không khí, (iii) thực hiện tiết kiệm năng lượng bao gồm mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiệu quả năng lượng; (iv) xem xét trung hòa carbon thông qua các biện pháp bù phát thải KNK còn lại như thu giữ và bảo quản hoặc cô lập carbon.
B2. Quản trị	2.04 Mô tả về hoạt động và cấu trúc hệ thống và quy trình quản trị, bao gồm tên của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đảm trách các vấn đề phát triển bền vững, các bộ phận liên quan đến quản trị phát triển bền vững như Ban quản lý rủi ro, KTNB..., và mô tả về vai trò của HĐQT trong phê duyệt chiến lược, chính sách xã hội, môi trường, quản trị cũng như rà soát kết quả thực hiện và đảm bảo cơ chế truyền thông hiệu quả giữa doanh nghiệp với các bên liên quan.	Để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần trình bày rõ ràng hệ thống quản trị liên quan đến các vấn đề PTBV. Điều này bao gồm việc nêu tên thành viên hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp, thể hiện cam kết từ cấp cao nhất. Báo cáo cần mô tả chi tiết cách thức khuyến khích nhân viên và quản lý, làm rõ mối liên kết giữa hiệu quả bền vững và các mục tiêu đã đề ra. Điều này giúp tạo động lực và thúc đẩy sự tham gia của toàn bộ tổ chức. Các quy trình xác định và quản lý rủi ro cần được mô tả một cách hệ thống, đồng thời công bố các rủi ro thực tế đã được xác định. Báo cáo cũng cần thảo luận về các cơ hội phát sinh từ việc quản lý rủi ro này, thể hiện sự chủ động và khả năng thích ứng của doanh nghiệp.
	2.05 Mô tả mối liên hệ giữa cơ chế khen thưởng của nhân viên và cán bộ quản lý với hiệu quả phát triển bền vững và việc hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.	Vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật cũng cần được đánh giá, xem xét, và có hướng giải quyết cụ thể, rõ ràng cho việc không tuân thủ, nếu có.
	2.06 Mô tả quy trình quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV (bao gồm: nhận diện, đánh giá, xếp hạng, kiểm soát rủi ro và tận dụng cơ hội).	Đối với các tổ chức dịch vụ tài chính, việc mô tả các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV. Đặc biệt là cho hoạt động tài chính/đầu tư thì việc kiểm soát rủi ro cần nêu cụ thể:
	2.07 Mô tả cụ thể các rủi ro cao và cơ hội liên quan đến PTBV.	



	2.08 Hồ sơ về các vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật.	1. Doanh nghiệp có bộ tiêu chí môi trường – xã hội để sàng lọc các khoản vay/đầu tư không? 2. Bộ tiêu chí đó được áp dụng theo tiêu chuẩn nào (Tiêu chuẩn Việt Nam, ví dụ: thông tư 17/2022/TT-NHNN hay Tiêu chuẩn quốc tế, ví dụ: IFC, SASB, v.v) Về rủi ro biến đổi khí hậu thì cần được thực hiện theo các hướng dẫn quốc tế được công nhận chung như các hướng dẫn của TCFD.
	2.09 Mô tả cách thức mà doanh nghiệp quản trị các vấn đề liên quan đến Chương trình giảm thiểu KNK để đảm bảo các thông tin được báo cáo là đáng tin cậy và doanh nghiệp luôn chủ động giám sát/quản lý các vấn đề liên quan đến KNK cũng như thể hiện được Chương trình giảm thiểu KNK là nỗ lực của toàn thể doanh nghiệp.	Tổ chức cần công bố cách thức mà tổ chức quản trị các rủi ro liên quan đến KNK bao gồm nhưng không hạn chế ở: ✓ cơ cấu quản trị và phân công trách nhiệm ✓ cơ chế nhận diện rủi ro và quản lý các rủi ro ✓ cơ chế báo cáo ✓ cơ chế kiểm tra và đảm bảo
B3. Đảm bảo	2.10 Đảm bảo nội bộ	Để đảm bảo tính tin cậy và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần kết hợp cơ chế đảm bảo nội bộ và kiểm toán độc lập. Cơ chế đảm bảo nội bộ giúp xác minh tính chính xác của thông tin từ bên trong, trong khi kiểm toán độc lập bởi đơn vị thứ ba tăng cường tính khách quan và độ tin cậy. Việc thực hiện cả hai biện pháp này giúp báo cáo phản ánh trung thực hoạt động và cam kết của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
	2.11 Đảm bảo độc lập bên ngoài	
	2.12. Có đảm bảo độc lập nội bộ hoặc bên ngoài đối với các chỉ số quản lý phát thải khí nhà kính	Khi công bố các đảm bảo nội bộ hoặc bên ngoài về PTKNK, tổ chức cần lưu ý công bố ối thiểu các nội dung: ✓ tiêu chuẩn báo cáo PTKNK ✓ tiêu chuẩn đảm bảo (ISAE, ISO...) ✓ tổ chức/đơn vị cung cấp đảm bảo ✓ phạm vi đảm bảo ✓ ý kiến/kết luận về đảm bảo

C. Trình Bày (10%)



Để tối đa hóa giá trị của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng không chỉ vào nội dung mà còn vào cách thức truyền tải thông tin đến đúng đối tượng. Truyền thông hiệu quả đòi hỏi việc lựa chọn phương tiện phù hợp để tiếp cận các bên liên quan mục tiêu. Điều này bao gồm hai yếu tố chính: Trình bày, đảm bảo báo cáo có hình thức hấp dẫn, dễ đọc và dễ hiểu; Sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo báo cáo được phân phối và tiếp cận một cách thuận tiện cho người dùng mục tiêu.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
C1. Hình thức	3.01 Đề cương và hình thức phù hợp và hỗ trợ cho nội dung	Hình thức báo cáo cần phù hợp và hỗ trợ nội dung, đồng thời đảm bảo tính tư vấn và chuyên nghiệp. Ngôn ngữ sử dụng cần phổ thông, dễ hiểu, và phù hợp với trình độ của người đọc. Việc sử dụng các phương pháp trình bày sáng tạo và các công cụ trực quan như đồ thị, minh họa và sơ đồ sẽ giúp báo cáo trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Bằng cách kết hợp các yếu tố này, doanh nghiệp sẽ tạo ra một báo cáo phát triển bền vững không chỉ cung cấp thông tin chất lượng mà còn truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến các bên liên quan.
	3.02 Tính dễ hiểu (sử dụng ngôn ngữ phổ thông, mức độ chuyên ngành phù hợp), dễ hiểu và độ dài phù hợp (súc tích).	
	3.03 Cách trình bày và tiếp cận mang tính sáng tạo.	
	3.04 Tính phù hợp của các đồ thị, nội dung minh họa và ảnh.	
C2. Sự tham gia của các bên liên quan	3.05 Khả năng truy cập (ví dụ, định dạng điện tử trên website để truy cập, các ngôn ngữ hiển thị sẵn có, phù hợp với độc giả, phiên bản in (tóm tắt) được cung cấp).	Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc thông báo rộng rãi về sự tồn tại của báo cáo và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập báo cáo. Việc thông báo thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau sẽ giúp đảm bảo rằng thông tin được tiếp cận bởi đối tượng mục tiêu. Đồng thời, việc tham vấn các bên liên quan thông qua các hoạt động như thành lập Nhóm Tập Trung sẽ giúp thu thập ý kiến đóng góp và đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan
	3.06 Cơ chế thông tin và phản hồi để người sử dụng báo cáo đưa ra/gửi ý kiến đến người lập báo cáo.	



A. Tính Đầy Đủ (50%)

Một báo cáo phát triển bền vững chất lượng cao sẽ cung cấp cho người đọc một cái nhìn toàn diện về hoạt động và các tác động kinh tế, môi trường, xã hội của tổ chức. Báo cáo cần đảm bảo rằng thông tin được công bố phản ánh đầy đủ bối cảnh hoạt động, phạm vi báo cáo, cũng như mức độ bao quát so với toàn bộ hoạt động của tổ chức.

Tính đầy đủ của báo cáo được đánh giá dựa trên các yếu tố chính sau:

1. Xác định các vấn đề trọng yếu: Đảm bảo rằng báo cáo tập trung vào các vấn đề quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến tổ chức và các bên liên quan. Quá trình xác định trọng yếu cần rõ ràng, có cơ sở và phản ánh đúng ưu tiên chiến lược của tổ chức.
2. Sự tham gia của các bên liên quan: Mô tả rõ các nhóm bên liên quan chính, phương pháp tham vấn, cũng như cách thức tổ chức xem xét và phản hồi các mối quan tâm từ bên liên quan trong chiến lược phát triển bền vững.
3. Chiến lược/định hướng phát triển bền vững: Trình bày mức độ tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược chung của tổ chức, bao gồm cam kết, mục tiêu dài hạn và các sáng kiến cụ thể nhằm thực hiện chiến lược này.
4. Phạm vi và ranh giới báo cáo: Xác định rõ phạm vi hoạt động được bao quát trong báo cáo (bao gồm tổ chức mẹ, công ty con, chuỗi giá trị...) và những giới hạn trong việc thu thập, công bố dữ liệu.
5. Tiêu chuẩn và chỉ số đo lường hoạt động phát triển bền vững: Cung cấp các chỉ số đo lường hiệu suất một cách đầy đủ, có căn cứ, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh theo thời gian cũng như với các tổ chức khác trong cùng lĩnh vực.

Bằng cách đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này, báo cáo không chỉ giúp minh bạch hóa thông tin mà còn hỗ trợ các bên liên quan trong việc đánh giá một cách chính xác và toàn diện về nỗ lực phát triển bền vững của tổ chức.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
A1. Xác định các vấn đề trọng yếu	1.01 Báo cáo cung cấp thông tin một cách toàn diện và có ích cho việc ra quyết định của đối tượng sử dụng báo cáo về các rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường, xã hội có tác động với doanh	Báo cáo cần xác định rõ và phân tích rõ ràng các tác động và vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường chính của doanh nghiệp, bao gồm cả tác động trực tiếp và gián tiếp, tác động thực tế và tác động tiềm tàng.



	ngành cũng như tác động của doanh nghiệp đối với kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài. 1.02 Quá trình, lý do lựa chọn và danh mục các tác động và các chủ đề trọng yếu được báo cáo một cách đầy đủ	Báo cáo cần nêu quy trình và lý do lựa chọn các tác động, vấn đề trọng yếu, phương pháp đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu và các chỉ số sử dụng trong báo cáo. Các tổ chức cân nhắc sử dụng các hướng dẫn của GRI để hoàn thiện nội dung này.
A2. Tham vấn các bên có lợi ích liên quan	1.03 Các bên liên quan là tổ chức được xác định, trong đó nêu rõ mức độ quan trọng tương ứng.	Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, việc xác định rõ đối tượng mục tiêu là bước đầu tiên quan trọng. Báo cáo cần được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của các đối tượng này, từ nhà đầu tư, khách hàng, nhân viên, đối tác, tổ chức đến cộng đồng địa phương. Doanh nghiệp cần xác định tất cả các bên liên quan, đánh giá mức độ quan trọng của từng bên đối với hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của mình. Quy trình xác định và tham vấn các bên liên quan cần được mô tả chi tiết, minh bạch, bao gồm các phương pháp, quy trình và tần suất tham vấn, để đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ ý kiến và kỳ vọng của các bên liên quan. Doanh nghiệp cũng cần công bố cách thức doanh nghiệp phản hồi với các kỳ vọng của các bên có liên quan.
	1.04 Mô tả quá trình xác định và tham vấn các bên liên quan trong nội bộ và bên ngoài, có công bố chính sách xác định và tham vấn các bên liên quan.	
	1.05 Xác định và trình bày ý kiến phản hồi và mức độ quan tâm của các bên liên quan đối với các tác động, hoạt động của tổ chức, và quy trình lựa chọn các quan điểm này (quan điểm quan trọng nhất) để công bố.	
	1.06 Sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan (chủ động hoặc bị động) để tác động đến chiến lược, chính sách, hoạt động và thay đổi nội dung báo cáo (để chứng minh tổ chức có thể lắng nghe và rút kinh nghiệm từ ý kiến của các bên có liên quan), hoặc trình bày ngược lại, kèm theo lý do, trong trường hợp không sử dụng ý kiến phản hồi của bên liên quan.	
A3. Chiến lược	1.07 Mức độ chi tiết và tính rõ ràng và cân bằng về chiến lược, chính sách kinh tế, môi trường và xã hội bao gồm nhưng không hạn chế ở: ✓ Phân tích các rủi ro và cơ hội về PTBV ✓ Cách thức tận dụng các cơ hội này ✓ Phân tích chiến lược PTBV trong bối cảnh của chiến lược kinh doanh và ngành	Báo cáo phát triển bền vững cần thể hiện rõ ràng chiến lược toàn diện của doanh nghiệp, bao gồm việc công bố đầy đủ và minh bạch các tác động về môi trường và xã hội, có tính đến các yếu tố đặc thù của ngành nghề. Báo cáo cần phân tích cả cơ hội và thách thức, cũng như các tác động tiềm tàng và thực tế, đồng thời nêu rõ cách thức tận dụng các cơ hội phát triển bền vững. Chiến lược kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp, bao gồm cả chuỗi cung ứng, cần được trình bày

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: **Phi Tài Chính**

	✓ Chiến lược PTBV xuyên suốt chuỗi cung ứng; ✓ Các cam kết của HĐQT và Ban Giám đốc ✓ Các ảnh hưởng của các vấn đề MT&XH tới các yếu tố tài chính	chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Báo cáo cần đánh giá và phân tích tác động của các rủi ro môi trường và xã hội đến các yếu tố tài chính, như lợi nhuận, dòng tiền, vị thế tài chính, chi phí vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn và giá trị tài sản. Các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm cả các chỉ số KPI, cần được xác định rõ ràng cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời gắn kết với các rủi ro và cơ hội tương ứng. Báo cáo cần chứng minh một cách thuyết phục sự tích hợp của các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời phân tích và đánh giá tác động của hoạt động của mình đến việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Nếu biến đổi khí hậu hoặc khí nhà kính là một nội dung trọng tâm trong chiến lược, báo cáo cần trình bày rõ ràng và thuyết phục chiến lược/sáng kiến, giải pháp cũng như các dự án đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các mục tiêu cụ thể (ngắn/dài hạn) cần được thực hiện một cách logic và có cơ sở khoa học. Các chiến lược phải dựa trên các phân tích kịch bản/tình huống khác nhau về kịch bản khí hậu, đồng thời mô tả cách thức đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu.
	1.08 Trình bày các chỉ tiêu và mục tiêu ESG cụ thể trong các khung thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn tương thích với các công bố thông tin về chiến lược	
	1.09 Chứng minh chính sách kinh tế, môi trường, xã hội tích hợp và nhất quán trong chiến lược kinh doanh nòng cốt.	
	1.10. Có chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính.	
A4. Các chỉ số hoạt động về môi trường	1.11. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng trong công ty đồng thời đưa ra các mục tiêu và biện pháp quản lý cũng như cắt giảm mức tiêu thụ ngắn hạn và dài hạn.	Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau: ✓ Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. ✓ Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng
	1.12. Công ty có công bố các số liệu về tiêu thụ năng lượng bên ngoài công ty, bao gồm chuỗi cung ứng và các hoạt động bên ngoài có liên quan trực tiếp đến dịch vụ, sản phẩm và các hoạt động của công ty đồng thời đưa	

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: **Phi Tài Chính**

	ra các biện pháp quản lý cũng như cắt giảm tiêu thụ. 1.13. Công ty có công bố mức các số liệu liên quan đến nước và nước thải. Tối thiểu phải công bố mức tiêu thụ nước và các biện pháp quản lý nước thải, đồng thời đưa ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho các chỉ số liên quan đến nước và nước thải mà doanh nghiệp chọn báo cáo. 1.14. Công ty có công bố lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho sản phẩm và/hoặc hoạt động phân phối sản phẩm và/hoặc các dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp; nêu cụ thể tỷ lệ các loại nguyên vật liệu tái chế và nguyên vật có thể tái tạo so với tổng nguyên vật liệu đã sử dụng và đưa ra các biện pháp cắt giảm tiêu hao ngắn hạn và dài hạn. 1.15. Công ty có công bố lượng rác thải từ hoạt động của doanh nghiệp và các biện pháp quản lý rác thải cũng như các tác động từ rác thải đến môi trường.	✓ Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. ✓ Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. ✓ Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) ✓ Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có)
	1.16 Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp theo tấn CO₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc.	Việc công bố được thực hiện theo hướng dẫn của quy định pháp luật và các thông lệ tốt (như GRI, IPCC, GHG Reporting Protocol). Cụ thể: ✓ Công bố các nguồn phát thải ✓ Công bố nguồn của hệ số phát thải mà doanh nghiệp áp dụng ✓ Công bố cách thức tính toán ✓ Tối thiểu cần công bố phát thải KNK theo phạm vi 1 và phạm vi 2. ✓ Công bố kỳ gốc (nếu có) ✓ Công bố các số liệu mang tính chất so sánh ✓ Giải thích số liệu phát thải ✓ Công bố cường độ phát thải KNK
A5. Các chỉ số	1.17. Công ty công bố các số liệu về tuyển dụng nhân viên mới và nhân	Việc công bố các chỉ số hoạt động cần được thực hiện theo các hướng dẫn của pháp luật và các thông lệ quốc

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: **Phi Tài Chính**

hoạt động về xã hội	viên thôi việc, đồng thời có các phân tích về chế độ chính sách dành cho nhân viên làm toàn thời gian.	tế được công nhận rộng rãi (như các hướng dẫn của GRI, SASB...). Việc công bố thông tin cần đảm bảo các nguyên tắc sau: ✓ Công bố số liệu so sánh tối thiểu trong thời gian 3 năm. ✓ Công bố nguồn dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp đo lường rõ ràng ✓ Công bố diễn giải về ý nghĩa của chỉ số và cách chúng liên quan đến chiến lược bền vững. ✓ Sử dụng phương pháp đo lường thống nhất qua các kỳ báo cáo để đảm bảo tính liên tục và giúp người đọc dễ dàng theo dõi tiến trình thực hiện. ✓ Công bố cách thức quản lý và mục tiêu (nếu có) ✓ Công bố các sáng kiến để đạt được mục tiêu (nếu có)
	1.18. Công ty công bố các chỉ số liên quan đến an toàn lao động, tối thiểu phải báo cáo các thông tin về hệ thống an toàn lao động, các biện pháp đánh giá và phòng ngừa rủi ro cũng như các chương trình đào tạo liên quan đến an toàn lao động.	
	1.19. Công ty công bố thông tin về chính sách và thực hành văn hoá Đa Dạng, Công Bằng Và Hòa Nhập (DEI) trong doanh nghiệp, cụ thể thông qua các chỉ số về bình đẳng giới, đa dạng hoá và cơ hội công bằng, không phân biệt đối xử và các chỉ số khác có liên quan.	
	1.20. Công ty công bố thông tin về các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng như các động tích cực và tiêu cực của công ty đến cộng đồng.	
	1.21. Công ty có báo cáo về việc đánh giá tác động của sản phẩm và dịch vụ đến sức khoẻ và an toàn của khách hàng, đồng thời công bố các sự cố xảy ra trong lĩnh vực này.	
A6. Các chỉ số hoạt động khác	1.22. Công ty công bố các chỉ số hoạt động về ESG tương ứng với các lĩnh vực trọng yếu được lựa chọn cũng như phù hợp với chiến lược PTBV được công bố.	Công ty cần đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về báo cáo và chuẩn mực như GRI 2021, IFRS S1/ S2, SASB, CSRD, ...và các chỉ số hoạt động theo ngành được áp dụng rộng rãi. Việc đáp ứng nhiều hơn một chuẩn mực cũng như việc áp dụng các chuẩn mực theo ngành sẽ là bằng chứng tốt để chứng minh tính đầy đủ của một báo cáo. Công ty cần tuân thủ các quy định về đánh giá về môi trường và xã hội và các quy định về quản trị công ty, cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn đo lường phát thải khí nhà kính.
	1.23. Công bố thông tin về quản trị công ty đáp ứng được các yêu cầu.	
	1.24. Việc trình bày các chỉ số hoạt động có liên quan được thực hiện theo các hướng dẫn/chuẩn mực được công nhận rộng rãi về lập báo cáo PTBV như GRI, IFRS S1&S2, TCFD, ...	



	1.25. Công ty có sử dụng các chỉ số hoạt động theo ngành được chấp nhận rộng rãi	
	1.26 Mức độ đáp ứng về công bố thông tin môi trường xã hội theo quy định của Báo cáo thường niên.	
A7. Các nội dung khác	1.27 Bối cảnh của doanh nghiệp (ví dụ, các sản phẩm và/hoặc dịch vụ, hiệu quả hoạt động tài chính, vị trí địa lý, thông tin tuyển dụng, lực lượng lao động).	Báo cáo cần cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về tổ chức. Báo cáo cần nêu rõ các hoạt động chính, sản phẩm/dịch vụ, hiệu quả tài chính, vị trí địa lý, lực lượng lao động và thông tin tuyển dụng, nhằm giúp người đọc hiểu rõ về phạm vi hoạt động và tác động của tổ chức. Đồng thời, báo cáo cần xác định rõ đối tượng sử dụng, phạm vi báo cáo (bao gồm cả chuỗi cung ứng), kỳ báo cáo, tính so sánh qua các kỳ, và công bố đầy đủ các tiêu chuẩn được sử dụng. Việc công bố đúng các chuẩn mực được áp dụng (theo yêu cầu của chuẩn mực đó) sẽ là một điểm cộng.
	1.28 Các yếu tố khác của một báo cáo đã được công bố đầy đủ hay chưa?	

B. Mức Độ Tin Cậy (40%)

Để đảm bảo tính tin cậy của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chứng minh rằng họ có các cấu trúc, quy trình và kiểm soát hiệu quả để trình bày thông tin chính xác về tác động của mình. Điều này bao gồm việc thiết lập các chính sách rõ ràng, bố trí nhân sự phù hợp, xây dựng hệ thống thu thập và quản lý thông tin, và đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể. Báo cáo cần thể hiện rằng các hệ thống và thông tin nội bộ đã được kiểm tra kỹ lưỡng, đồng thời tích hợp ý kiến đóng góp từ các bên bên ngoài.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
B1. Quy trình quản lý	2.01 Các hệ thống quản lý và việc tích hợp các hệ thống quản lý vào quy trình hoạt động.	Để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc xây dựng và tích hợp hệ thống quản lý vào quy trình kinh doanh. Hệ thống quản lý này cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đồng thời, việc áp dụng các hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế như hướng dẫn của IFC, GRI, ISO... là rất quan trọng.
	2.02. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tín dụng xanh được quốc tế hoặc chính phủ công nhận.	



		trọng. Báo cáo cần nêu rõ lý do lựa chọn và áp dụng các tiêu chuẩn này, đồng thời mô tả chi tiết cách thức triển khai. Ngoài ra, công ty cũng nên công bố các việc xử lý các rủi ro về việc tẩy xanh – Green Washing.
	2.03 Nguồn phát thải KNK trực tiếp hoặc gián tiếp, chuỗi giá trị/cung ứng liên quan được xác định và có kế hoạch hành động, áp dụng các biện pháp tối ưu nhằm giảm dần phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp.	Các biện pháp có thể bao gồm nhưng không hạn chế ở: (i) xem xét về số lượng và chủng loại nhiên liệu hóa thạch sử dụng và áp dụng các chương trình nâng cao hiệu quả và hiệu lực (ưu tiên phương pháp tiếp cận chu kỳ sống nhằm giảm phát thải KNK thuần bên cạnh việc sử dụng công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo), (ii) có hành động ngăn ngừa hoặc giảm phát thải KNK (đặc biệt những phát thải gây cạn kiệt tầng ozôn) do việc sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất, các quá trình công nghệ hoặc thiết bị bao gồm thiết bị sưởi, thông gió, điều hòa không khí, (iii) thực hiện tiết kiệm năng lượng bao gồm mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiệu quả năng lượng; (iv) xem xét trung hòa carbon thông qua các biện pháp bù phát thải KNK còn lại như thu giữ và bảo quản hoặc cô lập carbon.
B2. Quản trị	2.04 Mô tả về hoạt động và cấu trúc hệ thống và quy trình quản trị, bao gồm tên của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đảm trách các vấn đề phát triển bền vững, các bộ phận liên quan đến quản trị phát triển bền vững như Ban quản lý rủi ro, KTNB..., và mô tả về vai trò của HĐQT trong phê duyệt chiến lược, chính sách xã hội, môi trường, quản trị cũng như rà soát kết quả thực hiện và đảm bảo cơ chế truyền thông hiệu quả giữa doanh nghiệp với các bên liên quan.	Để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần trình bày rõ ràng hệ thống quản trị liên quan đến các vấn đề PTBV. Điều này bao gồm việc nêu tên thành viên hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp, thể hiện cam kết từ cấp cao nhất. Báo cáo cần mô tả chi tiết cách thức khuyến khích nhân viên và quản lý, làm rõ mối liên kết giữa hiệu quả bền vững và các mục tiêu đã đề ra. Điều này giúp tạo động lực và thúc đẩy sự tham gia của toàn bộ tổ chức. Các quy trình xác định và quản lý rủi ro cần được mô tả một cách hệ thống, đồng thời công bố các rủi ro thực tế đã được xác định. Báo cáo cũng cần thảo luận về các cơ

TIÊU CHÍ CHẤM CHUNG KHẢO

Nhóm ngành: **Phi Tài Chính**

	2.05 Mô tả mối liên hệ giữa cơ chế khen thưởng của nhân viên và cán bộ quản lý với hiệu quả phát triển bền vững và việc hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.	hội phát sinh từ việc quản lý rủi ro này, thể hiện sự chủ động và khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật cũng cần được đánh giá, xem xét, và có hướng giải quyết cụ thể, rõ ràng cho việc không tuân thủ, nếu có.
	2.06 Mô tả quy trình quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV (bao gồm: nhận diện, đánh giá, xếp hạng, kiểm soát rủi ro và tận dụng cơ hội)	
	2.07 Mô tả cụ thể các rủi ro cao và cơ hội liên quan đến PTBV.	
	2.08 Hồ sơ về các vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật.	
	2.09 Mô tả cách thức mà doanh nghiệp quản trị các vấn đề liên quan đến Chương trình giảm thiểu KNK để đảm bảo các thông tin được báo cáo là đáng tin cậy và doanh nghiệp luôn chủ động giám sát/quản lý các vấn đề liên quan đến KNK cũng như thể hiện được Chương trình giảm thiểu KNK là nỗ lực của toàn thể doanh nghiệp.	Tổ chức cần công bố cách thức mà tổ chức quản trị các rủi ro liên quan đến KNK bao gồm nhưng không hạn chế ở: ✓ cơ cấu quản trị và phân công trách nhiệm ✓ cơ chế nhận diện rủi ro và quản lý các rủi ro ✓ cơ chế báo cáo ✓ cơ chế kiểm tra và đảm bảo
B3. Đảm bảo	2.10 Đảm bảo nội bộ	Để đảm bảo tính tin cậy và minh bạch của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần kết hợp cơ chế đảm bảo nội bộ và kiểm toán độc lập. Cơ chế đảm bảo nội bộ giúp xác minh tính chính xác của thông tin từ bên trong, trong khi kiểm toán độc lập bởi đơn vị thứ ba tăng cường tính khách quan và độ tin cậy. Việc thực hiện cả hai biện pháp này giúp báo cáo phản ánh trung thực hoạt động và cam kết của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
	2.11 Đảm bảo độc lập bên ngoài	
	2.12. Có đảm bảo độc lập nội bộ hoặc bên ngoài đối với các chỉ số quản lý phát thải khí nhà kính	Khi công bố các đảm bảo nội bộ hoặc bên ngoài về PTKNK, tổ chức cần lưu ý công bố tối thiểu các nội dung: ✓ Tiêu chuẩn báo cáo PTKNK ✓ Tiêu chuẩn đảm bảo (ISAE, ISO...) ✓ Tổ chức/đơn vị cung cấp đảm bảo ✓ Phạm vi đảm bảo ✓ Ý kiến/kết luận về đảm bảo



C. Trình Bày (10%)

Để tối đa hóa giá trị của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng không chỉ vào nội dung mà còn vào cách thức truyền tải thông tin đến đúng đối tượng. Truyền thông hiệu quả đòi hỏi việc lựa chọn phương tiện phù hợp để tiếp cận các bên liên quan mục tiêu. Điều này bao gồm hai yếu tố chính: Trình bày, đảm bảo báo cáo có hình thức hấp dẫn, dễ đọc và dễ hiểu; Sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo báo cáo được phân phối và tiếp cận một cách thuận tiện cho người dùng mục tiêu.

Tiêu chí	Nội dung	Hướng dẫn
C1. Hình thức	3.01 Đề cương và hình thức phù hợp và hỗ trợ cho nội dung	Hình thức báo cáo cần phù hợp và hỗ trợ nội dung, đồng thời đảm bảo tính tư vấn và chuyên nghiệp. Ngôn ngữ sử dụng cần phổ thông, dễ hiểu, và phù hợp với trình độ của người đọc. Việc sử dụng các phương pháp trình bày sáng tạo và các công cụ trực quan như đồ thị, minh họa và sơ đồ sẽ giúp báo cáo trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Bằng cách kết hợp các yếu tố này, doanh nghiệp sẽ tạo ra một báo cáo phát triển bền vững không chỉ cung cấp thông tin chất lượng mà còn truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến các bên liên quan.
	3.02 Tính dễ hiểu (sử dụng ngôn ngữ phổ thông, mức độ chuyên ngành phù hợp), dễ hiểu và độ dài phù hợp (súc tích).	
	3.03 Cách trình bày và tiếp cận mang tính sáng tạo.	
	3.04 Tính phù hợp của các đồ thị, nội dung minh họa và ảnh.	
C2. Sự tham gia của các bên liên quan	3.05 Khả năng truy cập (ví dụ, định dạng điện tử trên website để truy cập, các ngôn ngữ hiển thị sẵn có, phù hợp với độc giả, phiên bản in (tóm tắt) được cung cấp).	Để đảm bảo tính hiệu quả và tác động của báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc thông báo rộng rãi về sự tồn tại của báo cáo và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập báo cáo. Việc thông báo thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau sẽ giúp đảm bảo rằng thông tin được tiếp cận bởi đối tượng mục tiêu. Đồng thời, việc tham vấn các bên liên quan thông qua các hoạt động như thành lập Nhóm Tập Trung sẽ giúp thu thập ý kiến đóng góp và đảm bảo rằng báo cáo phản ánh đầy đủ nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan
	3.06 Cơ chế thông tin và phản hồi để người sử dụng báo cáo đưa ra/gửi ý kiến đến người lập báo cáo.	